

TIẾT 52,53 KIỂM TRA CUỐI KÌ 1- K11

TIẾT 54.

TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ I- K11

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt:

- Hiểu rõ được những yêu cầu khi làm bài Đọc hiểu, bài văn NLXH
- Nhận ra ưu, nhược điểm trong bài làm của mình biết cách sửa chữa, rút kinh nghiệm cho bản thân.

2. Năng lực

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn NLXH
- Năng lực tiếp thu luyện kỹ năng sửa chữa lỗi trong bài kiểm tra của bản thân và của bạn.

3. Phẩm chất:

- Nghiêm túc chỉnh sửa những lỗi trong bài kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án, SGK
- Bài của học sinh, đề bài, hướng dẫn chấm – biểu điểm.

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức trong đề kiểm tra.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng khởi cho hs.

b. Nội dung: GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

c. Sản phẩm: Hs chuẩn bị kiến thức đã học

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS chia sẻ: *Em đã xem lại phần kiến thức đã kiểm tra trong bài kiểm tra hôm trước chưa?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập thân để trình bày trước lớp.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Tiết học hôm nay sẽ nhận xét và chữa bài kiểm tra cuối kì.*

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu: Hiểu rõ được những yêu cầu của kiểu bài.

b. Nội dung: HS sử dụng bài làm, so sánh với đáp án GV đưa ra.

c. Sản phẩm học tập: HS so sánh bài làm với đáp án.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập -GV Cần lưu ý điều gì với phần Đọc – hiểu? Đọc kĩ, trả lời đúng yêu cầu câu hỏi cho	1. Đọc hiểu

HS nhắc lại yêu cầu chung của bài văn NLVH GV nhắc lại các lưu ý khi làm bài văn NLXH về tầm quan trọng của sự bản lĩnh đối với giới trẻ trong cuộc sống hiện nay. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu của GV. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	2. Yêu cầu đối với bài văn NLXH
---	---

Hoạt động 2: Nhận xét ưu, khuyết điểm, trả bài, gọi điểm

- Mục tiêu:** Nhận ra ưu, khuyết điểm của bản thân và cách sửa chữa:
- Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.
- Sản phẩm học tập:** H HS rút kinh nghiệm bài viết.
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau để HS rút kinh nghiệm. - GV trả bài cho HS, yêu cầu HS chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và những phân tích, bổ sung ở trên. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe yêu cầu, tự sửa các lỗi trong bài làm của mình và rút kinh nghiệm. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	II. ƯU, KHUYẾT ĐIỂM: 1. Ưu điểm: + Nhiều em đã biết cách làm bài, hiểu yêu cầu của đề. + Trình bày khoa học. - Nêu được quan điểm của bản thân - Thể hiện rõ cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. 2. Nhược điểm: - Một số em chưa biết cách làm bài * Kiến thức: + Chưa nắm vững yêu cầu bài làm. + Bài văn nêu còn sơ sài * Diễn đạt: - Dùng từ : Một số em dùng từ ngữ chưa chính xác, chưa biết cách diễn đạt mạch lạc, logic. - Lỗi văn : Một số em viết bài chưa đạt yêu cầu. - Chữ viết : Ấu, sai lỗi chính tả nhiều, gạch xóa, trình bày không khoa học. 3. Kết quả: 4. Hướng dẫn chữa bài: - Lỗi chính tả :nh-gi-d, anh - an, ... - Lỗi diễn đạt : Lủng củng, lặp từ, sai từ. III. Trả bài:

- Hướng dẫn HS viết lại bài văn cảm nhận.	
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức.

b. Nội dung: GV giao bài tập, HS suy nghĩ, trả lời.

c. Sản phẩm học tập: HS viết bài theo yêu cầu.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS: Đọc bài viết của các bạn trong nhóm và cùng trao đổi, góp ý.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc và hoàn thành bài tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS hoàn thiện bài viết của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa bài viết

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa lại bài.

c. Sản phẩm học tập: Đoạn văn HS viết được.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS rà soát, chỉnh sửa văn bản tóm tắt vừa hoàn thành theo gợi ý:

Em rút ra kinh nghiệm gì sau khi làm bài văn này?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe yêu cầu và sửa lỗi trong bài kiểm tra theo nhận xét của giáo viên.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS đại diện trình bày.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày bài tập trước lớp.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I MÔN NGỮ VĂN, LỚP 11

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức			Tổng
			Nhận biết (Số câu)	Thông hiểu (Số câu)	Vận dụng (Số câu)	
			TL	TL	TL	
1	Đọc	Thơ (Văn bản ngoài SGK)	4	2	1	7
Ni Tỉ lệ % điểm			30	20	10	60
2	Viết	Viết bài văn nghị luận xã hội	1	1	1	1
Tỉ lệ điểm từng loại câu hỏi			10	10	20	40

Tỉ lệ % điểm các mức độ nhận thức	40	30	30	100
-----------------------------------	----	----	----	-----

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I MÔN NGỮ VĂN, LỚP 11
THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức			Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			TL	TL	TL	
1	Đọc	Thơ	- Nhân vật trữ tình - Biện pháp tu từ - Chi tiết -Yếu tố tự sự	- Cảm xúc nhân vật trữ tình. - Ý nghĩa câu thơ	- Rút ra bài học cuộc sống	7
		Tỉ lệ (%)	30%	20%	10%	60
2	Viết	Viết văn bản nghị luận xã hội.	Nhận biết: - Nhận dạng được kiểu bài nghị luận xã hội. - Trình bày được những cách hiểu của bản thân theo yêu cầu của đề bài.	Thông hiểu: - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn	Vận dụng: - Biết rút ra được những bài học nhận thức, hành động. - Có những suy nghĩ, quan điểm sâu sắc. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.	1

				chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.		
		Tỉ lệ (%)	10	10	20	40
Tổng			40	30	30	100
Tỉ lệ %			40%	30%	30%	
Tỉ lệ chung			70%		30%	

SỞ GD & ĐT QUẢNG NAM
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN
(Đề thi gồm có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 11
Năm học: 2024 – 2025
Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC (6,0 điểm)
Đọc văn bản sau:
Người con gái ở lầu hoa

Nhà nàng ở gốc cây mai trắng, Trên xóm mai vàng dưới đê kinh. Có một buổi chiều qua lối ấy, Tôi về dệt mãi mộng ba sinh. Tôi rót hồn tôi xuống mắt nàng. Hồn tôi là cả một lời van. Tôi van nàng đấy! Van nàng đấy! Ai có yêu đương chả vội vàng? Tôi rót hồn tôi xuống đã nhiều, Hồn tôi còn có được bao nhiêu? Tôi đi sợ cả lời tôi nói, Sợ cả gần nàng, sợ cả yêu. Nàng có bao giờ nghĩ đến không? Không, nàng đan áo suốt mùa đông, Mùa xuân qua cửa, tôi qua cửa, Nàng chả nhìn cho, đến nào nùng!	Tôi mĩa mai tôi, oán trách tôi Làm sao tôi lại cứ cầm lời? Thì trăm con gái, nghìn con gái Nàng cũng là người con gái thôi. Có một nghìn đêm tôi chiêm bao, Ba đêm nay khóc với mưa rào, Đêm nay mắt đỏ rồi, mưa tạnh, Tôi khóc âm thầm dưới bóng sao. Nàng ở lầu hoa ở đêm bông, Có đêm nào nghĩ đến tôi không? Không không, chả có đêm nào cả, Chả có đêm nào hé cánh song... (Trích trong tập thơ <i>Người con gái ở lầu hoa</i>, Nguyễn Bính, Nxb Hương Sơn, 1942)
---	--

Thực hiện các yêu cầu:
Câu 1. Chỉ ra nhân vật trữ tình trong bài thơ.

- Câu 2.** Xác định 1 biện pháp tu từ trong 2 câu thơ: *Tôi van nàng đấy! Van nàng đấy!/ Ai có yêu đương
chả vội vàng?*
- Câu 3.** Theo văn bản, nhà nhân vật *nàng* được nói đến trong bài thơ ở đâu?
- Câu 4.** Dấu hiệu nào để nhận biết bài thơ có sự xuất hiện của yếu tố tự sự?
- Câu 5.** Cảm xúc của nhân vật *tôi* thể hiện ra sao qua hai câu thơ: *Tôi mĩa mai tôi, oán trách tôi/ Làm
sao tôi lại cứ cầm lời?*
- Câu 6.** Nêu cách hiểu về hai câu thơ: *Thì trăm con gái, nghìn con gái/ Nàng cũng là người con gái
thôi.*
- Câu 7.** Từ nội dung của bài thơ, anh/ chị hãy rút ra bài học về lẽ sống mà nhà thơ Nguyễn Bính gửi
gắm.(Trình bày 5-7 dòng)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về tầm quan trọng
của sự bản lĩnh đối với giới trẻ trong cuộc sống hiện nay.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI CUỐI HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 11 NĂM HỌC 2024 – 2025

Hướng dẫn chấm gồm 05 trang

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC	6.0
	1	Nhân vật trữ tình: <i>Tôi</i> Hướng dẫn chấm: <i>- Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm.</i>	<i>0.75</i>

	- Học sinh trả lời khác đáp án: 0,0 điểm	
2	Biện pháp tu từ: Điệp ngữ(<i>Van nàng đấy</i>)/ Câu hỏi tu từ(<i>Ai có yêu đương chả vội vàng?</i>) Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời 1 trong 2 biện pháp, có nêu biểu hiện của biện pháp tu từ: 0,75 điểm - Học sinh trả lời 1 trong 2 biện pháp, không nêu biểu hiện của biện pháp tu từ: 0,5 điểm - Học sinh trả lời khác đáp án: 0,0 điểm	0.75
3	Nhà nhân vật nàng ở : gốc cây mai trắng/<i>Trên xóm mai vàng dưới đế kinh</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời khác đáp án: 0,0 điểm	0.75
4	Dấu hiệu nhận biết bài thơ có sự xuất hiện yếu tố tự sự: + Có người kể chuyện: xưng <i>tôi</i> ở ngôi kể thứ nhất . + Bối cảnh: Thời gian (<i>buổi chiều...</i>), không gian (<i>Nàng ở gốc cây mai trắng,/Trên xóm mai vàng dưới đế kinh, Nàng ở lầu hoa...</i>). + Nhân vật: <i>tôi</i> +Câu chuyện: câu chuyện tình yêu đơn phương của nhân vật <i>tôi</i> với cô gái. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời 3 ý: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời được 2 ý: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời được 1 ý: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời khác đáp án: 0,0 điểm	0,75
5	- Cảm xúc của nhân vật <i>tôi</i>: +Trách móc bản thân vì đã không đủ can đảm bày tỏ tình cảm, tình yêu của mình sớm hơn. + Tiếc nuối về mối tình của mình... Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được ý 1 đáp án: 0,5 điểm.	1.0

		- Học sinh trả lời khác đáp án: 0,0 điểm. <i>*Học sinh có cách diễn đạt tương đương giám khảo linh hoạt cho điểm.</i>	
	6	Cách hiểu về hai câu thơ: - Cô gái cũng giống như bao người con gái khác... - Lời thơ ẩn chứa một tình yêu chân thành: Trên đời có rất nhiều cô gái để chàng trai yêu nhưng anh chỉ yêu duy nhất một mình cô. Dù biết rằng đó là tình yêu đơn phương nhưng anh vẫn ngày đêm mong nhớ... Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được ý 1 đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời khác đáp án: 0,0 điểm. <i>*Học sinh có cách diễn đạt tương đương giám khảo linh hoạt cho điểm.</i>	1.0
	7	- Bài học về lẽ sống mà nhà thơ gửi gắm: Sau đây là một số gợi ý: + Trong tình yêu, mỗi người hãy nên mạnh dạn bày tỏ, tình cảm của mình khi yêu... + Mỗi người khi yêu nên có một tình yêu chân thành, đó mới là biểu hiện của tình yêu đẹp. ... Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 1 ý: 0,5 điểm - Học sinh trả lời khác đáp án: 0,0 điểm <i>* Học sinh có cách diễn đạt tương đương giám khảo linh hoạt cho điểm. (Phải đảm bảo hình thức đoạn văn)</i>	1.0
II		VIẾT	4.0
		1. Yêu cầu chung: - Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận - Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn đề.	0.25
		2. Yêu cầu về kiến thức:	
		a. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Tầm quan trọng của sự bản lĩnh đối với giới trẻ trong cuộc sống hiện nay Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định không đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm	0.5
		b. Triển khai vấn đề nghị luận Học sinh có thể viết nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ	

	và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau:	
	* Giới thiệu vấn đề nghị luận, trích dẫn vấn đề cần nghị luận.	0,5
	* Triển khai vấn đề thành các luận điểm: - HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận, dẫn chứng thuyết phục. - Sau đây là một số gợi ý: . Giải thích: <i>Bản lĩnh</i> là khả năng con người giữ vững lập trường và vượt qua những thử thách một cách kiên cường. Đây là một phẩm chất không dễ bị tác động bởi các yếu tố bên ngoài, thường được thể hiện rõ qua sự dũng cảm, khả năng đưa ra quyết định chính xác ngay cả khi phải đối mặt với những khó khăn, áp lực... . Phân tích, chứng minh: -Biểu hiện: +Bình tĩnh trong mọi hoàn cảnh. + Tinh thần quyết đoán. + Sẵn sàng chịu trách nhiệm. +Khả năng học hỏi từ thất bại. - Ý nghĩa của bản lĩnh: + Với cá nhân: giúp hình thành lòng tự tin, đối mặt với những thách thức hiệu quả, đưa ra những quyết định đúng dựa trên giá trị- nguyên tắc của bản thân... + Học tập, công việc: luôn thành công trong học tập và công việc, có sự tin cậy và uy tín... + Cuộc sống: giúp cho giới trẻ có thêm nhiều kinh nghiệm sống, trở thành nguồn cảm hứng cho mọi người học tập và noi theo... (HS cần có dẫn chứng cụ thể) . Mở rộng vấn đề: - Cần phân biệt bản lĩnh với sự sợ hãi, thiếu quyết tâm và dễ bỏ cuộc. - Giới trẻ không có bản lĩnh dễ thất bại trong học tập, công việc và cuộc sống. . Bài học nhận thức- hành động: - Học sinh cần nhận thức được tầm quan trọng của sự bản lĩnh của giới trẻ trong cuộc sống. - Sống phải có bản lĩnh, dám nói- dám làm- dám hành động, lan toả những tấm gương sống có bản lĩnh... * Kết thúc vấn đề nghị luận: Khái quát lại vấn đề nghị luận Hướng dẫn chấm: - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm – 1,75 điểm.	2.0
		0,25

		- <i>Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm.</i> - <i>Lạc đề, bỏ giấy trắng: Không chấm điểm</i>	
		c. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0.25
		d. <i>Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy. Hướng dẫn chấm: Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,25 điểm.	0.25
TỔNG			10.0